TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2025/DS-ST
Ngày: 26-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài
2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sỉ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; địa chỉ: số A ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: số A ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1965 và ông Trần Văn N1, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: số A ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Ông N có mặt, bà V và ông N1 cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2025, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C ủy quyền cho ông Nguyễn Văn N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau trước nên bà Nguyễn Thị C có nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Hồng V vay tiền, bằng tiền của cá nhân bà C, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 09/12/2022, bà Nguyễn Thị C cho bà Nguyễn Thị Hồng V vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 0.83%/tháng, thời hạn

vay là 01 tháng, mục đích bà V vay tiền là để trả tiền đáo hạn Ngân hàng. Khi vay bà V có viết giấy mượn tiền ngày 9/12/2022 và ký tên, ghi rõ họ tên ở mục bên mượn.

- Ngày 15/11/2023, bà Nguyễn Thị C cho bà Nguyễn Thị Hồng V vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa bằng lời nói là 0.83%, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay là để trả tiền đáo hạn Ngân hàng. Khi vay bà V có viết giấy mượn tiền ngày 15/11/2023 và ký tên, ghi rõ họ tên ở mục bên mượn.

Như vậy, tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị Hồng V đã vay của bà Nguyễn Thị C là 130.000.000 đồng. Từ khi vay cho đến nay thì bà Nguyễn Thị Hồng V không thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà C, đến hạn thanh toán nợ bà C có nhiều lần yêu cầu bà V trả tiền gốc và tiền lãi cho bà C nhưng bà V cứ hứa hẹn nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ. Điều này đã là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị C.

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Trần Văn N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 130.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng. Nay bà C xin rút lại yêu cầu tính lãi suất từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng và rút lại yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Văn N1 đối với số tiền 130.000.000 đồng mà. Bà C chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà C.

Nay bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Bà C không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Trần Văn N1 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Trần Văn N1 cư trú tại số S ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa

đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025) vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Trần Văn N1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Trần Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Trần Văn N1.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng và rút yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Văn N1 đối với số tiền 130.000.000 đồng. Xét việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hai "Giấy mượn tiền" ghi ngày 9/12/2022 và ngày 15/11/2023 (bản chính) có nội dung thể hiện: bà Nguyễn Thị Hồng V có mượn của bà Nguyễn Thị C hai lần với tổng số tiền 130.000.000 đồng, trong đó có chữ ký tại mục "bên mượn" là bà Nguyễn Thị Hồng V.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã được tống đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và được Tòa án thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Nguyễn Thị Hồng V không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập xem như bà Nguyễn Thị Hồng V đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[6] Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa

án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản. Qua đó, thể hiện bà Nguyễn Thị Hồng V có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 130.000.000 đồng nhưng chưa trả. Đồng thời, có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp, được công nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ những căn cứ nêu trên bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả số tiền vay 130.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 217 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025).

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng và đình chỉ đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Văn N1 đối với số tiền 130.000.000 đồng Một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ nộp 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Tú